TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/DSST
Ngày: 16-11-2018
Về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Học
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Văn Hồng
  2. Bà Trương Thị Ngọc Linh
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện , tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Dân sự thụ lý số 110/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX- ST ngày 31/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Tổ 03, ấp T, xã Th, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954;

Nơi cư trú: Tổ 03, ấp T, xã Th, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Cao Thanh T, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Tổ 03, ấp T, xã Th, huyện , tỉnh Bình Phước.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 20/8/2018, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày*:

Gia đình bà G mở đại lý buôn bán thức ăn gia súc; từ năm 2014 đến tháng 4/2017 bà có bán thức ăn gia súc (là cám heo) cho bà Nguyễn Thị B, hình thức mua bán là bà B thường không thanh toán hết mà mỗi lần mua hàng hóa thì thanh toán một ít rồi gối đầu nợ lại một phần, mỗi lần lấy thức ăn gia súc bà đều ghi vào sổ về số trả và số tiền còn nợ lại; nhiều lần như vậy đến ngày 20/8/2018 các bên làm giấy xác nhận công nợ, bà B nợ tổng cộng là 130.648.000 đồng, bà B thanh toán được 8.181.000 đồng, sau đó chốt lại bà B còn nợ lại bà với số tiền là 122.467.000 đồng; bà B hứa nhiều lần nhưng không thanh toán. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà B phải có nghĩa vụ thanh toán cho gia đình bà số tiền còn nợ lại là 122.467.0000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà G yêu cầu bà B thanh toán tiền nợ gốc và yêu cầu tính lãi nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà G rút yêu cầu về tính lãi mà chỉ yêu cầu bà B thanh toán tiền nợ gốc. Do chồng bà B đã chết nên bà G chỉ yêu cầu bà B thanh toán nợ nói trên.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà B thống nhất như bà G trình bày về thời gian mua hàng và số tiền còn thiếu lại tiền thức ăn gia súc.

Khoảng năm 2014 bà bắt đầu mua thức ăn gia súc là cám heo của vợ chồng bà G, ông T; việc mua bán với hình thức là thường không trả hết tiền mà hình thức trả trước một phần và nợ lại một phần và có ghi vào sổ nợ để theo giõi sau khi xuất (bán) heo thì thanh toán hết tiền mua cám, nhưng đến năm 2016 giá heo xuống thấp nên không thực hiện được như cam kết về phương thức thanh toán, đến ngày 13/4/2017 hai bên chốt nợ là bà còn nợ vợ chồng bà G, ông T số tiền 130.648.000 đồng, sau đó bà thanh toán được 5.000.000 đồng và hoàn trả lại cám, cấn trừ được số tiền 8.181.000 đồng, hiện tại bà còn nợ của của vợ chồng bà G, ông T tổng số tiền là 122.467.000 đồng. Nay bà G, ông T yêu cầu bà thanh toán số nợ còn thiếu thì bà đồng ý trả số tiền nợ là 122.467.000 đồng nhưng do điều kiện khó khăn do giá heo xuống nên quá trình giải quyết bà xin trả làm nhiều lần, mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền; nay tại phiên tòa bà xin được thanh toán 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Việc giao dịch dân sự là giữa bà và vợ chồng ông T, bà G; hiện chồng bà đã chết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Cao Thanh T trình bày:* Ông là chồng của bà G; ông thống nhất như trình bày của bà G và ông cũng yêu cầu bà B có nghĩa vụ thanh toán cho ông và bà G số tiền còn nợ lại trong hợp đồng mua bán là 122.467.000 đồng mà không đồng ý cho bà B thanh toán nhiều lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tuân thủ tố tụng dân sự:

Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ về thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trình bày của các đương sự. Xét thấy các đương sự

thống nhất được với nhau về số tiền còn nợ lại trong hợp đồng mua bán tài sản nhưng các đương sự không thống nhất được phương thức thanh toán nợ. Để đảm bảo việc thu hồi vốn của nguyên đơn và người liên quan đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị G và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh T; buộc bà Nguyễn Thị B thanh toán cho bà Lê Thị G và ông Cao Thanh T số tiền còn nợ lại trong hợp đồng mua bán tài sản với số tiền 122.467.000 đồng. Do tại đơn khởi kiện bà G yêu cầu tính lãi nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà G rút yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Lê Thị G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B thanh toán cho vợ chồng bà số tiền còn nợ lại trong hợp đồng mua bán thức ăn gia súc (cám heo) nên đây là vụ án kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015; Bị đơn bà B có nơi cư trú tại huyện nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện , tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ trong hợp đồng mua bán tài sản:

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất từ năm 2014 đến tháng 4/2017 bà B có mua thức ăn gia súc (cám heo) của gia đình bà G, ông T và các bên chốt nợ bà B còn nợ lại vợ chồng bà G và ông T số tiền 122.467.000 đồng nên nội dung này không phải chứng minh. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa các bên không thống nhất được phương thức thanh toán nợ; bà B yêu cầu được thanh toán làm nhiều lần, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết tiền nợ nhưng nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý mà yêu cầu bị đơn thanh toán nợ một lần để đảm bảo việc thu hồi vốn. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trong hợp đồng trong hợp đồng mua bán tài sản mặc dù nguyên đơn đi đòi nhiều lần là vi phạm quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên việc ông bà G yêu cầu bà B thanh toán cho bà và ông T số tiền còn nợ lại trong hợp đồng mua bán là có căn cứ nên được chấp nhận nên yêu cầu được thanh toán làm nhiều lần của bị đơn không được nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp nhận nên không được chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về phần lãi nên cần đình chỉ giải quyết nội dung này theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chi cục thi hành án dân sự huyện hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, Điều 217 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 430, 431, 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị G và ông Cao Thanh T số tiền còn nợ lại trong hợp đồng mua bán tài sản là 122.467.000 *(Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn)* đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G về yêu cầu bà Nguyễn Thị B thanh toán lãi do nguyên đơn rút yêu cầu.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dn sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị B phải chịu 6.123.350*(Sáu triệu một trăm hai mươi ba nghìn ba trăm năm mươi)* đồng. Chi cục Thi hành án dân sự hoàn trả lại

cho bà Lê Thị G số tiền tạm ứng án phí 3000.000*(Ba triệu)* đồng theo biên lai thu số 0004932 ngày 21/9/2018.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND H.*
- *Chi cục THADS H. ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: HS,VT.*